



**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-419 (25.1147)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-419         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 5,03              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-<br>G:2023                        | mg/L           | 0,445             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8,1               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,4               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



Ts. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-420 (25.1147)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Trung tâm-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-420         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 12,03             | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,457             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8,2               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,4               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-421 (25.1147)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Na Dương-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method               | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                              |                | W2507-421         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                               | TCU            | 7,96              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                         | mg/L           | 0,6               | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW 2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                               | -              | 8,2               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                            | NTU            | 2,9               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025  
**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-422 (25.1147)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước hồ chứa - Na Dương-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-422         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 5,83              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,6               | 0,2 ÷ 1.                    |
| 5        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8,2               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,88              | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-423 (25.1147)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method               | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                              |                | W2507-423         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                               | TCU            | 5,88              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-CI-G:2023                         | mg/L           | 0,62              | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW 2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                               | -              | 8,1               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                            | NTU            | 1,37              | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-424 (25.1147)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method               | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                              |                | W2507-424         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                               | TCU            | 6,96              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                         | mg/L           | 0,52              | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW 2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                               | -              | 8,1               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                            | NTU            | 3,5               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-424 (25.1147)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Chi Ma-Lộc Bình CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Lộc Bình - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Khu nhà thờ, xã Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method               | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                              |                | W2507-424         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                               | TCU            | 6,96              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                         | mg/L           | 0,52              | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW 2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                               | -              | 8,1               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                            | NTU            | 3,5               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-425 (25.1148)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-425           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 8,4                 | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,64                | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi <sup>(*)</sup>              | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,9                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 0,87                | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-426 (25.1148)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - SVĐ-Bắc Sơn CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-426           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 7,93                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,55                | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi <sup>(*)</sup>              | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,4                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 0,65                | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-427 (25.1148)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sảng-Bắc Sơn ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-427           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 7,47                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,64                | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,6                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 0,46                | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTTM&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-428 (25.1148)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Pó Sáng-Bắc Sơn CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bắc Sơn - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Thôn Tiên Đào, xã Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-428           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 7,07                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,65                | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,4                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,32                | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-429 (25.1149)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Trảng Định ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Trảng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 34 đường Nhà Nghèo, xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-429         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 6,15              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,96              | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi                |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,9               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,0               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-430 (25.1149)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Trảng Định CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Trảng Định - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 34 đường Nà Nghều, xã Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai PE 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-430         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 5,1               | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,59              | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi(*)                         | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi      | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,9               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,8               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-431 (25.1150)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method               | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                              |                | W2507-431         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                               | TCU            | 5,55              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                         | mg/L           | 0,53              | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW 2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                               | -              | 7,8               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                            | NTU            | 1,1               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



T.S. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-432 (25.1150)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - TT.Hữu Lũng CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT No | Tên chỉ tiêu Characteristic | Phương pháp thử Test method               | Đơn vị Unit | Kết quả Result  | QCVN 01-1:2024/BYT       |
|-------|-----------------------------|-------------------------------------------|-------------|-----------------|--------------------------|
|       |                             |                                           |             | W2507-432       | Ngưỡng giới hạn cho phép |
| 1     | Coliform tổng số(*)         | TCVN 6187-1:2019                          | CFU/100 mL  | KPH             | <1                       |
| 2     | E. coli(*)                  | TCVN 6187-1:2019                          | CFU/100 mL  | KPH             | <1                       |
| 3     | Màu sắc(*)                  | TCVN 6185:2015                            | TCU         | 6,27            | 15                       |
| 4     | Clo dư tự do(*)             | SMEWW 4500-Cl-G:2023                      | mg/L        | 0,615           | 0,2 ÷ 1                  |
| 5     | Mùi                         | HPL.GC 0139 : 2025 (Ref. SMEWW 2150:2023) | -           | Không có mùi lạ | Không có mùi lạ          |
| 6     | pH(*)                       | TCVN 6492:2011                            | -           | 7,9             | 6 ÷ 8,5                  |
| 7     | Độ đục(*)                   | TCVN 12402-1:2020                         | NTU         | 1,3             | 2                        |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-433 (25.1150)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng DN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result      | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|------------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-433              | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                    | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                    | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006)    | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 6,76                   | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,621                  | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi, vị<br>lạ | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,9                    | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,41                   | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



**Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội**  
**Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City**  
**Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>**

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-434 (25.1150)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Vân Nham-Hữu Lũng CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Hữu Lũng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 126 đường Bắc Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result      | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|------------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-434              | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                    | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                    | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 6,51                   | 15                          |
| 4        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006)    | 0,01                        |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,624                  | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi, vị<br>lạ | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,8                    | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,12                   | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-435 (25.1151)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Than Muội ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-435           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 19,04               | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,544               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8                   | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 9,2                 | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-436 (25.1151)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - LK2-LK5 -Than Muội CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-436           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 20,19               | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,546               | 0,2 ÷ 1,                    |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8,2                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 5,5                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-437 (25.1151)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Mô Sục-Chi Lăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result                   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-437                           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                                 | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 18,01                               | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-<br>G:2023                        | mg/L           | 0,651                               | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có<br>mùi lạ có mùi,<br>vị lạ | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8,2                                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,9                                 | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-438 (25.1151)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Mô Sục-Chi Lăng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Chi Lăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : số 7, đường Lê Lợi, khu Trung Tâm, xã Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method               | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result          | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|----------------------------------------------|----------------|----------------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                              |                | W2507-438                  | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH                        | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                             | CFU/100 mL     | KPH                        | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                               | TCU            | 21,62                      | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                         | mg/L           | 0,655                      | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW 2150:2023) | -              | KhKhông có mùi<br>lạ<br>lạ | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                               | -              | 8,3                        | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                            | NTU            | 0,9                        | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



T.S. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-439 (25.1152)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh DN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-439           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 12,38               | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,785               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8,2                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,3                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-440 (25.1152)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt trạm cấp nước Tân Thanh CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-440           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 5,63                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,783               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8,1                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,9                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-441 (25.1152)

- Tên mẫu/ Name of sample: Đầu nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-441           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | <5                  | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,69                | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,8                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,1                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-442 (25.1152)

- Tên mẫu/ Name of sample : Cuối nguồn trạm bơm LK1+ LK2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-442           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 5,43                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,7                 | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,6                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,3                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-443 (25.1152)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đồng Đăng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-443           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | <5                  | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,82                | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,6                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 0,58                | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-444 (25.1152)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Tân Mỹ-Đồng Đăng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh cấp nước Đồng Đăng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 25 ngõ 4 đường Hoàng Văn Thụ, xã Đồng Đăng, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-444           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 11,06               | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,826               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,7                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,75                | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh: Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-445 (25.1153)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Số 63, phố 6A, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-445         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 12,27             | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,59              | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8,1               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 0,7               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-446 (25.1153)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt - Bình Gia CN
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Chi nhánh Cấp nước Bình Gia - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: Số 63, phố 6A, xã Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-446         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 13,57             | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,595             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 8,1               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 0,8               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-447 (25.1154)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lãng ĐN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 1, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-447         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 5,37              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,777             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,9               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,3               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đồng Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-448 (25.1154)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Na Sầm-Văn Lãng CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước Văn Lãng - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 1, xã Na Sầm, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-448         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | <5,0              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,78              | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,8               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,1               | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-449 (25.1155)

- Tên mẫu/ Name of sample
  - Loại mẫu/ Sample type
  - Tên khách hàng/ Name of customer
  - Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
  - Mô tả mẫu/ Description
  - Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
  - Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
  - Thời gian thử nghiệm/ Testing time
  - Kết quả thử nghiệm/ Test results
- : Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập ĐN  
: Nước sạch  
: Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
: Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn  
: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường  
: 18/07/2025  
: Cao Trung Dũng  
: 18/07/2025 – 25/07/2025

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-449         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 5,14              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,61              | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,9               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,79              | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-450 (25.1155)

- Tên mẫu/ Name of sample
- Loại mẫu/ Sample type
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

: Mẫu nước sinh hoạt - TT. Đình Lập CN  
: Nước sạch  
: Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
: Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn  
: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường  
: 18/07/2025  
: Cao Trung Dũng  
: 18/07/2025 – 25/07/2025  
:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-450         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | <5                | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,612             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,9               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 4,11              | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



PS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-451 (25.1155)

- Tên mẫu/ Name of sample
- Loại mẫu/ Sample type
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

: Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập ĐN  
: Nước sạch  
: Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
: Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn  
: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường  
: 18/07/2025  
: Cao Trung Dũng  
: 18/07/2025 – 25/07/2025  
:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-451         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | <5                | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,782             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,9               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,32              | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-452 (25.1155)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt - Nông Trường-Đình Lập CN
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Chi nhánh Cấp nước huyện Đình Lập - Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : Khu 3, xã Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-452         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 5,09              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,785             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,9               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,3               | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-453 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H1
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                    | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                                   |                                                 |                | W2507-453           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)                               | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                                        | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                                   | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                                        | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 8,7                 | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                                   | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,84                | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                                               | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                                             | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,3                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                                         | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 3,58                | 2                           |
| 9        | Amoni                                             | TCVN 6179-1:1996                                | mg/L           | 1,1                 | 1                           |
| 10       | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) | TCVN 6180:1996                                  | mg/L           | 12,6                | 11                          |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTTM&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-454 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H1
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic                    | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                                   |                                                 |                | W2507-454           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup>                   | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>                            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>                       | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>                            | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 5,36                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>                       | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,847               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                                               | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>                                 | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,2                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>                             | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 4,2                 | 2                           |
| 9        | Amoni                                             | TCVN 6179-1:1996                                | mg/L           | 1                   | 1                           |
| 10       | Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) | TCVN 6180:1996                                  | mg/L           | 12,7                | 11                          |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-455 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample
- Loại mẫu/ Sample type
- Tên khách hàng/ Name of customer
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
- Mô tả mẫu/ Description
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time
- Kết quả thử nghiệm/ Test results

: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D3+ Nhà Tâm  
: Nước sạch  
: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
: 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn  
: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường  
: 18/07/2025  
: Cao Trung Dũng  
: 18/07/2025 – 25/07/2025  
:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-455         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 6,84              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,531             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,8               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,87              | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TRUNG TÂM  
XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-456 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample
  - Loại mẫu/ Sample type
  - Tên khách hàng/ Name of customer
  - Địa chỉ khách hàng/ Address of customer
  - Mô tả mẫu/ Description
  - Ngày nhận mẫu/ Date of receiving
  - Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking
  - Thời gian thử nghiệm/ Testing time
  - Kết quả thử nghiệm/ Test results
- : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D3+ Nhà Tâm  
: Nước sạch  
: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn  
: 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn  
: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường  
: 18/07/2025  
: Cao Trung Dũng  
: 18/07/2025 – 25/07/2025  
:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-456           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | <5                  | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,544               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,7                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,92                | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-457 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H9
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-457         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 6,33              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,684             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,6               | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,85              | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-458 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn H9
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-458           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | <5                  | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,693               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,6                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,23                | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-459 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T1+CL
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-459           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 10,29               | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,565               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,2                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,55                | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-460 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T1+CL
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-460           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 8,61                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,569               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,1                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,8                 | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-461 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H10
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-461           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 8,17                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,714               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,1                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,6                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTM&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-462 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm H10 + H12
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-462           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | <5                  | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,719               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,1                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,7                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-463 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm Nước mặt Cty
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|-------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-463         | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH               | <1                          |
| 3        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 8,82              | 15                          |
| 4        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,652             | 0,2 ÷ 1                     |
| 5        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ   | Không có mùi lạ             |
| 6        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 7        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 2,3               | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-464 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm D2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-464           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 9,62                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,661               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,1                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,6                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-465 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm D2
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-465           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | <5                  | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,621               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,2                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,6                 | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH  
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-466 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample: Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm H3
- Loại mẫu/ Sample type: Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer: 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description: Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving: 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking: Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time: 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results:

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-466           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 10,63               | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,624               | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,2                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,7                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-467 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt đầu nguồn trạm bơm T4+H8
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic  | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|---------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                 |                                                 |                | W2507-467           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli <sup>(*)</sup>          | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As) <sup>(*)</sup>     | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc <sup>(*)</sup>          | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 10,51               | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do <sup>(*)</sup>     | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,77                | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                             | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH <sup>(*)</sup>               | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,1                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục <sup>(*)</sup>           | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 0,9                 | 2                           |

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

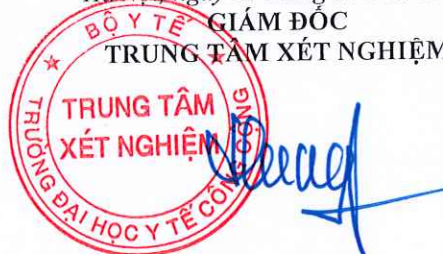
Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLB**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.





**BỘ Y TẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**  
**LABORATORY CENTER**



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội  
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City  
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Số/No: W2507-468 (25.1156)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt cuối nguồn trạm bơm T4+H8+ NM Cty
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Công ty Cổ phần cấp thoát nước Lạng Sơn
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 14/10 Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, tỉnh Lạng Sơn
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 2 chai 0,5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 18/07/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Cao Trung Dũng
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 18/07/2025 – 25/07/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

| TT<br>No | Tên chỉ tiêu<br>Characteristic | Phương pháp thử<br>Test method                  | Đơn vị<br>Unit | Kết quả<br>Result   | QCVN 01-<br>1:2024/BYT      |
|----------|--------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|---------------------|-----------------------------|
|          |                                |                                                 |                | W2507-468           | Ngưỡng giới<br>hạn cho phép |
| 1        | Coliform tổng số(*)            | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 2        | E. coli(*)                     | TCVN 6187-1:2019                                | CFU/100 mL     | KPH                 | <1                          |
| 3        | Arsenic (As)(*)                | SMEWW 3113B:2023                                | mg/L           | KPH<br>(LOD=0,0006) | 0,01                        |
| 4        | Màu sắc(*)                     | TCVN 6185:2015                                  | TCU            | 6,07                | 15                          |
| 5        | Clo dư tự do(*)                | SMEWW 4500-Cl-G:2023                            | mg/L           | 0,64                | 0,2 ÷ 1                     |
| 6        | Mùi                            | HPL.GC 0139 : 2025<br>(Ref. SMEWW<br>2150:2023) | -              | Không có mùi lạ     | Không có mùi lạ             |
| 7        | pH(*)                          | TCVN 6492:2011                                  | -              | 7,6                 | 6 ÷ 8,5                     |
| 8        | Độ đục(*)                      | TCVN 12402-1:2020                               | NTU            | 1,1                 | 2                           |

**Ghi chú:**

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

**PHỤ TRÁCH**  
**PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ**

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM**



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.